

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2019/HSST**

Ngày: 11/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương và ông Nguyễn Văn Vy.

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Dương Phước An- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2019/HSST ngày 23 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HS ngày 22 /02/2019 đối với bị cáo:

Trần Thị Ngọc N, tên gọi khác: Lùn; sinh ngày 15/10/1974 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Số nhà 7/144 đường L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Trần Thiện T (chết) và bà Đặng Thị L, sinh năm 1955; chồng: Trần Sinh A, sinh năm 1975; con: Có 02 con; con lớn 24 tuổi, con nhỏ 22 tuổi;

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống với gia đình, đi học văn hóa đến lớp 5/12 rồi nghỉ học; sau khi kết hôn chuyển đến sống tại 7/14 đường L, phường P, thành phố Huế và làm nghề buôn bán cho đến nay.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Số nhà 149 đường B, phường X, thành phố Huế, vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Số nhà 02 đường N, phường K, thành phố Huế, vắng mặt.

Anh Nguyễn Quý Đ, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Số nhà 23/2 đường L, phường T, thành phố Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 0 phút ngày 20/11/2018, Trần Thị Ngọc N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, biển số đăng ký 75B1-242.03 đi từ nhà đến chợ Đ, phường P, thành phố Huế để mua hàng. N gửi xe tại bãi giữ xe của chợ rồi đi lên tầng 2, đến gian hàng của chị Đỗ Thị B để mua quần áo. Tại đây, N phát hiện một bì nylon màu xanh của chị Đỗ Thị B để lộ một số tờ tiền ra ngoài nằm giữa sạp hàng quần áo nên N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lợi dụng nhân viên bán hàng của chị Đỗ Thị B là chị Nguyễn Thị B không để ý, N lén lút dùng tay trái lấy nhanh bì nylon đựng tiền và nhanh chóng đi về phía khu vực gửi xe, mở cốp xe của mình lên rồi bỏ bì nylon trộm được vào cốp. Sau đó N quay trở lại tầng 2 của chợ tiếp tục mua hàng. Khi phát hiện bị mất tiền, chị Nguyễn Thị B đã báo cho chị B biết, thông qua trích xuất camera thấy Trần Thị Ngọc N lấy trộm tài sản nên chị Đỗ Thị B đã báo cho cơ quan Công an giải quyết. Tiến hành kiểm tra trong cốp xe mô tô của Trần Thị Ngọc N, phát hiện 01 túi nylon màu xanh có quai xách, bên trong có số tiền 3.200.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Air Blade, màu đỏ đen, biển số 75F1-350.27, biển số đăng ký 75B1-242.03, số khung 300DY-061969, số máy: F46E-0062048.
- 01(một) túi nylon có quai, màu xanh.
- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 3.200.000 đồng.
- 01 (một) đĩa CD chứa dữ liệu do chị Đỗ Thị B cung cấp trích xuất từ camera ngày 20/11/2018.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại 01(một) túi nylon có quai, màu xanh và số tiền 3.200.000 đồng cho chị Đỗ Thị B. Chị B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

Đối với đĩa CD chứa dữ liệu do chị Đỗ Thị B cung cấp trích xuất từ camera ngày 20/11/2018 chuyển theo hồ sơ vụ án để phục vụ xét xử.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Trần Thị Ngọc N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 22/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc N từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ngày 13/12/2018, Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế đã ra quyết định xử lý vật chứng số 16 ngày 13/12/2018 bằng hình thức trao trả 01 túi nilon màu xanh và số tiền 3.200.000 đồng cho chị Đỗ Thị B. Chị Đỗ Thị B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đĩa CD chứa dữ liệu do chị Đỗ Thị B cung cấp trích xuất từ camera ngày 20/11/2018 chuyển theo hồ sơ vụ án để phục vụ xét xử.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, màu đỏ đen, biển số đăng ký 75B1-242.03, số khung 300DY-061969, số máy: F46E-0062048 mà Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế đã chuyển giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Huế, là tài sản của bị cáo, xét không liên quan gì đến hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị hại, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Thị Ngọc N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 20/11/2018, tại chợ Đ, phường P, thành phố H, Trần Thị Ngọc N đã lợi dụng chị Đỗ Thị B sơ hở để lấy trộm 01 túi nilon có quai màu xanh bên trong có số tiền trị giá 3.200.000 đồng. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Trần Thị Ngọc N đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo Trần Thị Ngọc N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt:

Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo nhằm mục đích hưởng lợi bất chính, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Từ nhận định và căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất cơ hội, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo mà có thể áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo bằng hình thức cải tạo không giam giữ, giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình của bị cáo quản lý giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe phòng ngừa. Xét bị cáo hiện tại có hoàn cảnh khó khăn, làm nghề làm đầu lân để kiếm sống, không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế đã ra quyết định xử lý vật chứng số 16 ngày 13/12/2018 bằng hình thức trao trả 01 túi nilon màu xanh và số tiền 3.200.000 đồng cho chị Đỗ Thị Bo là đúng pháp luật. Chị Đỗ Thị B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 75B1-242.03 có giấy đăng ký đứng tên bị cáo đã được Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế chuyển giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Huế. Xét đây là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với đĩa CD chứa dữ liệu do chị Đỗ Thị B cung cấp trích xuất từ camera ngày 20/11/2018, là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Ngọc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

-Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Thị Ngọc N 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Thị Ngọc N cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại mô tô hiệu Air Blade, biển số 75B1-242.03 cho bị cáo Trần Thị Ngọc N.

(Vật chứng trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/01/2019 giữa cơ quan Công an thành phố Huế và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế).

- Tiếp tục lưu giữ 01 đĩa CD chứa dữ liệu trong hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Thị Ngọc N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV27 Công an tỉnh TTHuế;
- Công an thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THA HS, THA DS;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

